3V
P e91

TOÁN 2

SÁCH CẤP I PHỔ CẬP

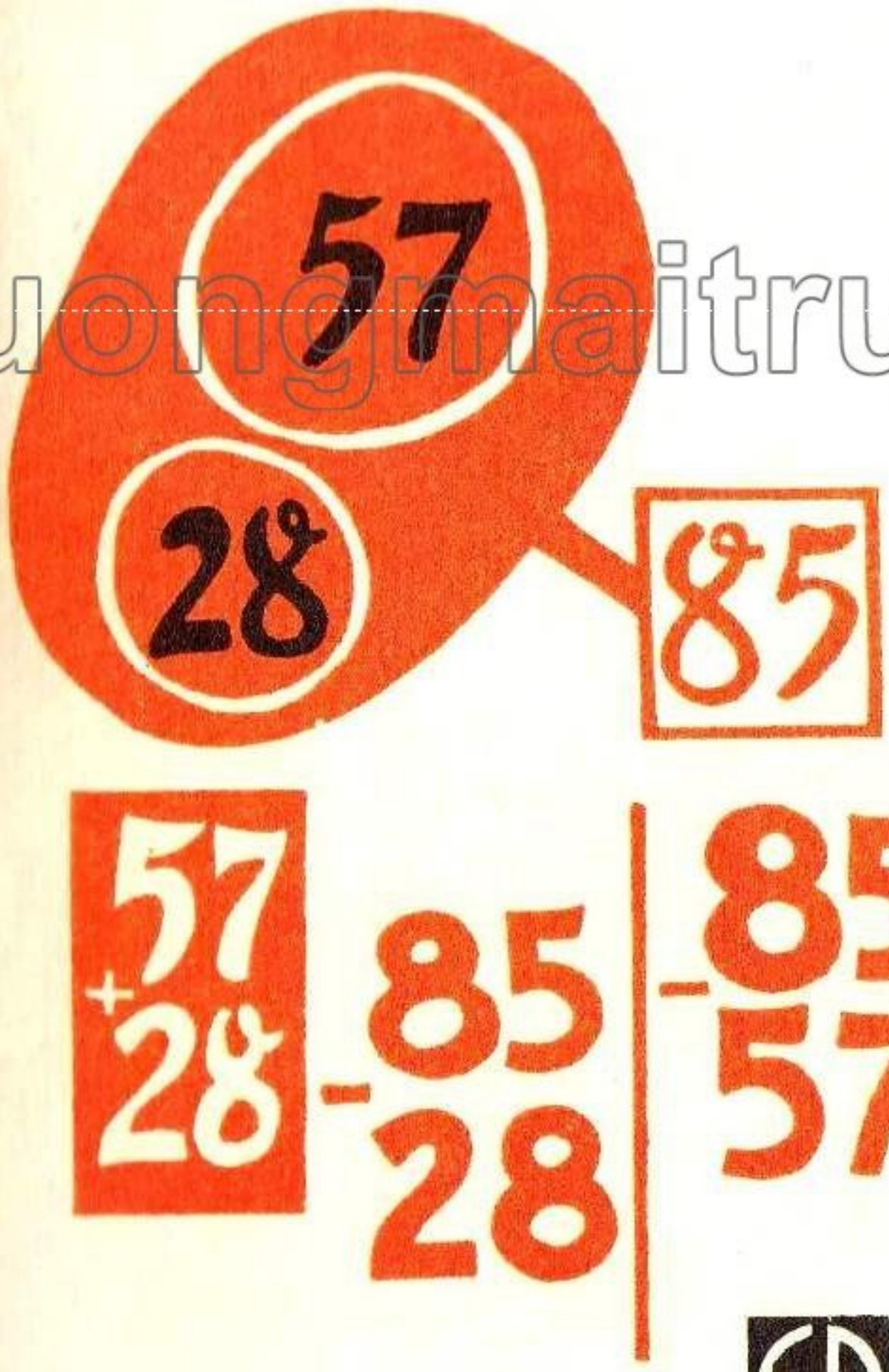

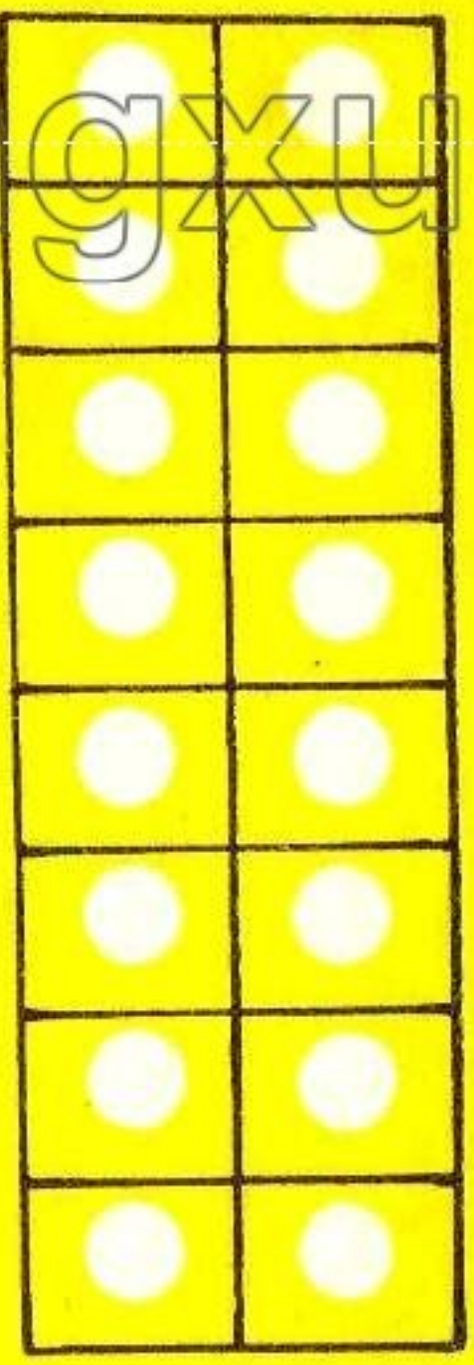

8 x 2

16 : 2

nuongmaitruongxua.v

thuongmaitruongxua.vn

VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

TOÁN 2

SÁCH CẤP I PHỔ CẬP

THƯ VIỆN TƯ LIỆU
3V/Pc91

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC — 1990

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH	
▲	Câu hỏi và bài tập

thuongmaitruongxua.vn

Tổ chức biên soạn:
VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
BỘ GIÁO DỤC
Biên tập kĩ thuật: ĐOÀN HỒNG
Biên soạn: ĐÀO NẠI (chủ biên)
ĐỖ TRUNG HIẾU
PHẠM VĂN HOÀN
NGUYỄN DUY HỨA
Biên tập: LÊ KIM THANH
Trình bày bìa: PHẠM NGỌC TỚI
Sửa bản in: THANH LAN

CÁC SỐ ĐẾN 100. PHÉP CỘNG, TRỪ

CHỤC, TRĂM

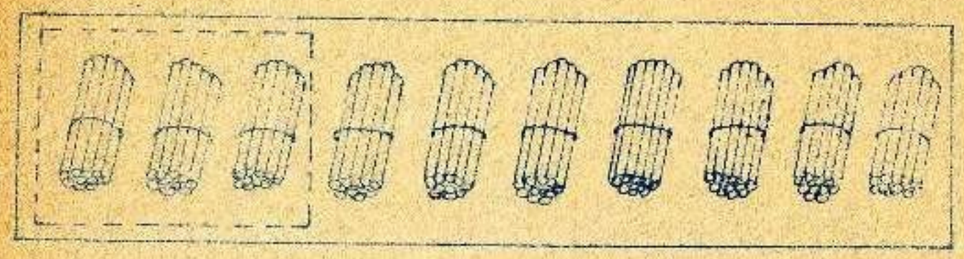

3 chục que tính hay ba mươi que tính.
Ba mươi viết là 30.

10 chục que tính hay một trăm que tính.
Một trăm viết là 100.

10 chục = 1 trăm

10 20 30 40 50 60 70 80 90 100

▲ 1 40 đọc là bốn mươi hay bốn chục
50 đọc là . . . mươi hay . . . chục
60 đọc là . . . mươi hay . . . chục
70 đọc là . . . . . hay . . . . .
80 đọc là . . . . . hay . . . . .
90 đọc là . . . . . hay . . . . .

2. Đếm theo chục từ 1 chục đến 1 trăm
Đếm theo chục từ 1 trăm đến 1 chục.

3. Điền số chục thích hợp vào ô trống :

0	10		30			60				100

100		80			50		30		10	0

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

thuongmaitruongxua.vn

20 que tính và 1 que tính là hai mươi mốt que tính.

Hai mươi mốt viết là 21.

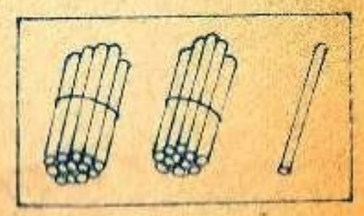

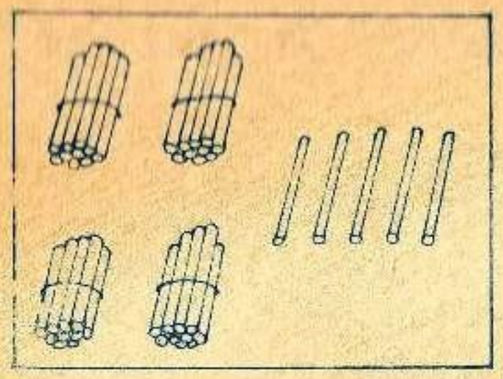

40 que tính và 5 que tính là bốn mươi lăm que tính.

Bốn mươi lăm viết là 45.

	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	3	4	34	Ba mươi tư
	6	0	60	Sáu mươi
	9	9	99	Chín mươi chín

Bảng ghi các số từ 1 đến 100

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

▲ 1. a) Đọc các số sau đây : 33, 65, 59, 74, 100.

b) Dùng chữ số, viết các số sau đây: Bảy mươi; tám mươi bảy; bốn mươi bốn; bảy mươi sáu; một trăm.

2.

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
3	0	30	Ba mươi
6	4	64	Sáu mươi tư
7	5	...	...
8	8	...	...
6	7	...	...
9	4	...	...

thuongmaitruongxua.vn

3. Đọc các số sau đây và chỉ ra số chỉ chục, số chỉ đơn vị của mỗi số đó :

94, 49, 50, 99, 37

4. Điền số còn thiếu vào ô trống :

68	69		71			74				78				82

LUYỆN TẬP

1. Điền số thích hợp vào ô trống :

41	42			45		47			50

60	59		57			54			51

2. a) Đọc các số sau đây: 44; 91; 65; 86; 93.

b) Chỉ ra số chỉ chục, số chỉ đơn vị của mỗi số đó.

3. Viết các số sau đây :

a) Sáu mươi hai; chín mươi chín; ba mươi mốt; một trăm.

b) 4 chục 6 đơn vị; 5 chục 0 đơn vị; 8 chục 1 đơn vị.

c) Chữ số hàng chục là 3 và chữ số hàng đơn vị là 5.

Chữ số hàng chục là 9 và chữ số hàng đơn vị là 9.

4. Viết các số: 35,53,91,19 vào các ô sau đây:

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn | | | |

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé | | | |

42 + 23

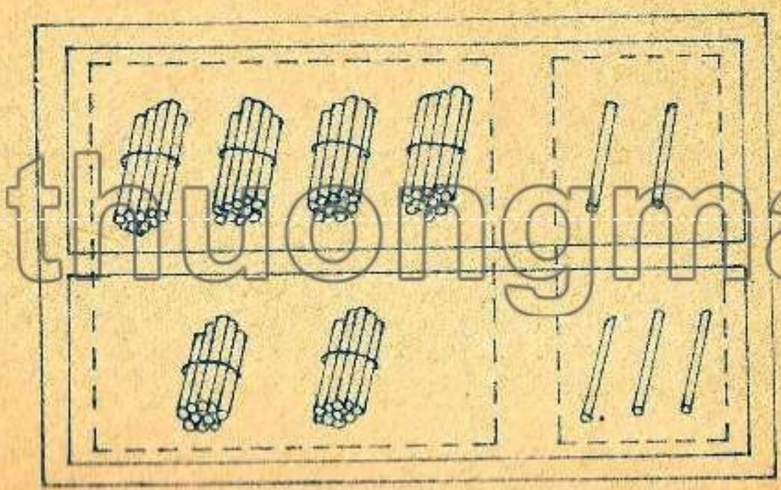

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 42 \\ +\ 23 \\ \hline 65 \end{array}$$

Nói :

2 cộng 3 được 5 viết 5

4 cộng 2 được 6 viết 6

Kết quả là 65

Ghi nhớ: Số đơn vị cộng với số đơn vị
Số chục cộng với số chục.

▲1. $\begin{array}{r} 55 \\ +\ 24 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 63 \\ +\ 35 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 50 \\ +\ 27 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 23 \\ +\ 46 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 36 \\ +\ 21 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 49 \\ +\ 30 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 25 \\ +\ 62 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 16 \\ +\ 43 \\ \hline \end{array}$

2. 21 + 57 63 + 36 76 + 23

51 + 16 34 + 25 15 + 24

3. Tủ sách bạn Nam có 21 quyển. Năm nay mua thêm 12 quyển nữa. Hỏi tủ sách bạn Nam có mấy quyển ?

Tóm tắt:

Đã có : 21 quyển
Mua thêm: 12 quyển } ? quyển

Giải : 21 + 12 = 33 (quyển)

Đáp số : 33 quyển

thuongmaitruongxua.vn

4. Nhà trẻ có 20 bé trai và 18 bé gái. Hỏi trong nhà trẻ có bao nhiêu em bé ?

LUYỆN TẬP

1. a) $\begin{array}{r} 25 \\ +\ 73 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 34 \\ +\ 51 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 62 \\ +\ 35 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 84 \\ +\ 15 \\ \hline \end{array}$

b) 43 + 42 79 + 20 68 + 31

2. Nhà Lan nuôi được 14 con gà. Nhà Hồng nuôi được 12 con gà. Hỏi nhà Lan và nhà Hồng nuôi được tất cả bao nhiêu con gà ?

3. Lớp 2A có 32 học sinh. Lớp 2B nhiều hơn lớp 2A là 6 học sinh. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu học sinh ?

4. Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống :

24 ☐ 42 ; 55 ☐ 55; 86 ☐ 68.

45 — 32

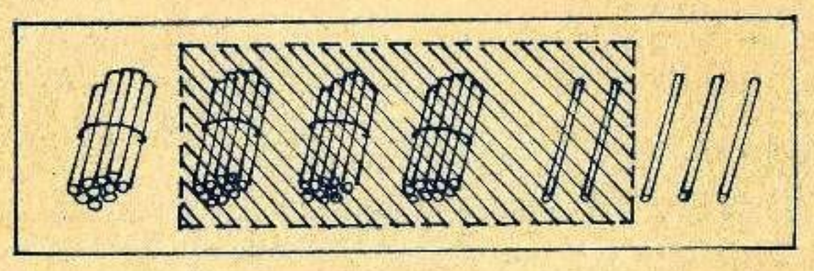

Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 45 \\ -\ 32 \\ \hline 13 \end{array}$$

Nói :

5 trừ 2 còn 3, viết 3.
4 trừ 3 còn 1, viết 1.
Kết quả là 13.

Ghi nhớ : Số đơn vị trừ đi số đơn vị
Số chục trừ đi số chục.

▲1.

$$\begin{array}{r} 56 \\ -\ 23 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 48 \\ -\ 37 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 76 \\ -\ 54 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 98 \\ -\ 73 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ -\ 27 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 64 \\ -\ 41 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 84 \\ -\ 32 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 38 \\ -\ 16 \\ \hline \end{array}$$

2. 57 — 22 63 — 42 38 — 24
49 — 36 27 — 15 54 — 13

3. Cửa hàng có 24 khăn mặt, đã bán 21 khăn. Hỏi cửa hàng còn bao nhiêu khăn mặt ?

4. Thùng dầu có 76 lít. Người ta đã rót bớt đi 13 lít. Hỏi trong thùng còn bao nhiêu lít dầu ?

LUYỆN TẬP

1.

$$\begin{array}{r} 64 \\ -\ 22 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 73 \\ -\ 21 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 48 \\ -\ 15 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 92 \\ -\ 31 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 59 \\ -\ 48 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 85 \\ -\ 53 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 67 \\ -\ 45 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 75 \\ -\ 24 \\ \hline \end{array}$$

2. 55 + 24 46 — 31 79 + 20
55 — 24 46 + 31 79 — 20

thuongmaitruongxua.vn

3. Lan làm được 24 bông hoa. Lan tặng cô giáo 12 bông hoa. Hỏi Lan còn mấy bông hoa ?

4. Lớp 2A có 25 bạn gái. Lớp 2B ít hơn lớp 2A: 12 bạn gái. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu bạn gái ?

BÀI TOÁN VỀ : SO SÁNH HƠN, KÉM BAO NHIÊU ĐƠN VỊ

Bài toán 1

Mai nuôi được 5 con gà. Tâm nuôi được 7 con gà. Tâm nuôi nhiều hơn Mai mấy con gà ?

Tóm tắt đề toán

Mai : 5 con gà

Tâm : 7 con gà, hơn Mai ? con gà.

Gợi ý :

— So sánh số 5 và số 7, số nào là số lớn ? Số nào là số bé ? (7 là số lớn, 5 là số bé)

— Tìm số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị ?

(Lấy số lớn trừ số bé)

Giải :

7 — 5 = 2 (con gà)

Đáp số : 2 con gà.

Ghi nhớ: Muốn tìm số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị ta lấy số lớn trừ đi số bé.

thuongmaitruongxua.vn

Bài toán 2

Tâm nuôi được 7 con gà. Mai nuôi được 5 con gà. Mai nuôi ít hơn Tâm mấy con gà ?

Tóm tắt đề toán

Tâm : 7 con gà

Mai : 5 con gà, kém Tâm ? congà.

Gợi ý :

— So sánh số 7 và số 5. Số nào là số bé ? Số nào là số lớn ?

(5 là số bé, 7 là số lớn)

— Tìm số bé kém số lớn bao nhiêu đơn vị ?

(Lấy số lớn trừ số bé)

Giải :

7 — 5 = 2 (con gà)

Đáp số : 2 con gà

Ghi nhớ : Muốn tìm số bé *kém* số lớn bao nhiêu đơn vị ta lấy số lớn trừ đi số bé.

▲ 1. Tay phải cầm 15 que tính. Tay trái cầm 12 que tính.

a) Tay phải cầm hơn tay trái bao nhiêu que tính ?

b) Tay trái cầm kém tay phải bao nhiêu que tính ?

2. An có 37 hòn bi. Nam có 25 hòn bi. Hỏi An có nhiều hơn Nam mấy hòn bi ?

3. Khối lớp Hai có 52 học sinh. Khối lớp Ba có 65 học sinh. Hỏi khối lớp Hai ít hơn khối lớp Ba bao nhiêu học sinh ?

LUYỆN TẬP CHUNG

1.

+ 35	+ 72	+ 63	+ 39
34	24	15	20
— 74	— 39	— 53	— 42
21	22	31	20

2. Bài mẫu : 25 + 13 — 26 = ?

Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 25 \\ +\ 13 \\ \hline 38 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 38 \\ -\ 26 \\ \hline 12 \end{array}$$

Trình bày trong vở :

$$\underbrace{25 + 13}_{38} - 26 = 12$$

15 + 32 — 24 49 — 26 + 12

21 + 15 + 20 76 — 53 — 23

3. Lớp Ba diệt được 56 con chuột. Lớp Hai diệt được 46 con chuột. Hỏi lớp Ba diệt được nhiều hơn lớp Hai bao nhiêu con chuột ?

4. Đàn gà nhà Toàn có 32 con. Đàn gà nhà Tùng có 39 con. Hỏi đàn gà nhà Toàn ít hơn đàn gà nhà Tùng mấy con ?

thuongmaitruongxua.vn

37 + 25

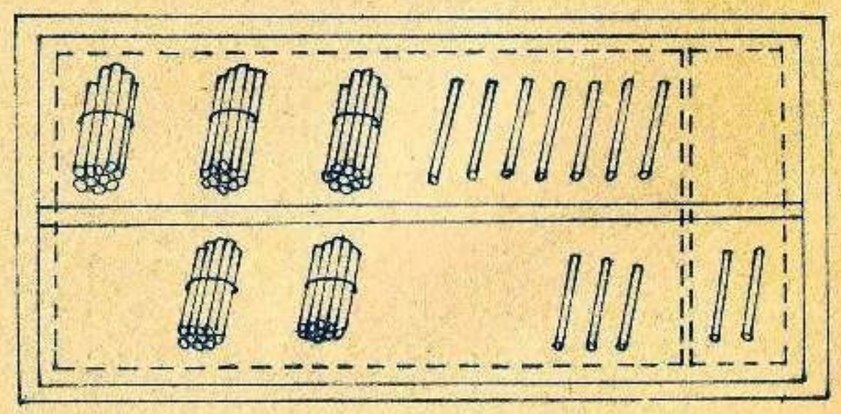

Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 37 \\ +\ 25 \\ \hline 62 \end{array}$$

Nói :

7 cộng 5 là 12. Viết 2 nhớ 1 sang số chục.

3 nhớ 1 là 4, 4 cộng 2 là 6. Viết 6.

Kết quả là 62.

Ghi nhớ : Số đơn vị cộng với số đơn vị, nếu quá 10 ta chuyển 1 (1 chục) sang số chục.

Số chục cộng với số chục.

▲1.

$$\begin{array}{r} 28 \\ +\ 36 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 49 \\ +\ 25 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 56 \\ +\ 38 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 17 \\ +\ 49 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ +\ 27 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 55 \\ +\ 18 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ +\ 44 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 68 \\ +\ 29 \\ \hline \end{array}$$

2. 17 + 25 59 + 24

34 + 49 46 + 67

3. Mẹ Liên nuôi được 18 con gà. Mẹ Hà nuôi được 13 con gà. Hỏi mẹ Liên và mẹ Hà nuôi được tất cả bao nhiêu con gà ?

4. Trong chuồng có 27 con thỏ. Nay mua thêm 8 con nữa. Hỏi hiện nay trong chuồng có bao nhiêu con thỏ ?

LUYỆN TẬP

1.

$$\begin{array}{r} 27 \\ +\ 36 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 48 \\ +\ 34 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 62 \\ +\ 38 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 57 \\ +\ 28 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 49 \\ +\ 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 6 \\ +\ 37 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 8 \\ +\ 73 \\ \hline \end{array}$$

2. 17 + 19 38 + 35 + 7

15 + 15 27 + 64 + 9

3. Lớp Hai trồng được 28 cây. Lớp Một trồng được 17 cây. Hỏi cả hai lớp trồng được bao nhiêu cây ?

4. Đàn trâu có 17 con. Đàn bò có 14 con.

a) Đàn trâu hơn đàn bò mấy con ?

b) Đàn bò kém đàn trâu mấy con ?

45 — 28

thuongmaitruongxua.vn

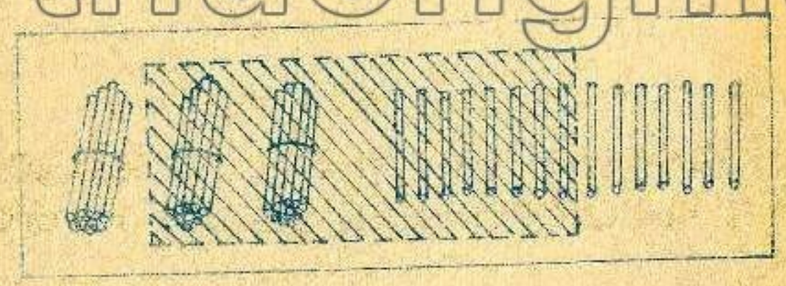

Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 45 \\ -\ 28 \\ \hline 17 \end{array}$$

Nói :

15 trừ 8 còn 7, viết 7 nhớ 1 (trừ ở 4 chục)

4 trừ 1 còn 3, 3 trừ 2 còn 1, viết 1.

Kết quả là 17.

Ghi nhớ: Số đơn vị trừ đi số đơn vị. (Nếu số đơn vị không đủ trừ nhớ lấy thêm 1 chục ở số chục). Số chục trừ đi số chục.

$$\begin{array}{r} 100 \\ -\ 48 \\ \hline 52 \end{array}$$

10 trừ 8 còn 2, viết 2 nhớ 1 (trừ ở 10 chục)

10 trừ 1 còn 9, 9 trừ 4 còn 5, viết 5.

Kết quả là 52.

▲1. $\begin{array}{r} 52 \\ -\ 29 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 32 \\ -\ 16 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 73 \\ -\ 24 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 56 \\ -\ 39 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 100 \\ -\ 69 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 100 \\ -\ 25 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 100 \\ -\ 62 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 100 \\ -\ 7 \\ \hline \end{array}$

2. 62 — 48 100 — 36

54 — 27 100 — 54

3. Một đàn ngỗng có 32 con. Người ta đã bán đi 13 con. Hỏi đàn ngỗng còn bao nhiêu con?

4. Nhà trường mua về 100 tờ giấy màu, đã dùng hết 35 tờ. Hỏi nhà trường còn bao nhiêu tờ giấy màu?

3V/PC91
PHÒNG VIỆN TƯ LIỆU

LUYỆN TẬP

1. a) $\begin{array}{r} 24 \\ -\ 17 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 32 \\ -\ 25 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 100 \\ -\ 48 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 100 \\ -\ 83 \\ \hline \end{array}$

b) 24 + 28 — 17 100 — 34 + 27

36 — 18 + 14 48 + 52 — 62

2. Cửa hàng có 21 tấm vải xanh và 18 tấm vải hoa. Hỏi vải xanh nhiều hơn vải hoa mấy tấm?

3. Vừa qua trường em trồng được 38 cây phi lao và 42 cây bạch đàn. Hỏi phi lao ít hơn bạch đàn mấy cây?

4. Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống:

Mẫu: 45 — 26 ☐ 82 — 68

Cách tính:

$$\begin{array}{r} 45 \\ -\ 26 \\ \hline 19 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 82 \\ -\ 68 \\ \hline 14 \end{array}$$

Cách trình bày:

$\underbrace{45 - 26}_{19}$ $\boxed{>}$ $\underbrace{82 - 68}_{14}$

19 > 14

33 — 11 ☐ 19 32 — 9 ☐ 23

53 — 26 ☐ 45 — 17 47 + 53 ☐ 99

thuongmaitruongxua.vn

ÔN TẬP

1. Cho các số: 63, 67, 48, 42, 17, 50.

Xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn vào bảng dưới đây:

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
1	7	17	Mười bảy

2.

$$\begin{array}{r} 42 \\ +\ 35 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 57 \\ +\ 20 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 56 \\ +\ 38 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ -\ 24 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 48 \\ -\ 39 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 100 \\ -\ 68 \\ \hline \end{array}$$

3. 38 + 35 24 + 32 + 38

83 — 47 67 — 24 — 29

4. Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống:

46 ☐ 46 53 ☐ 27 18 ☐ 20

53 — 27 ☐ 26 43 ☐ 13 + 28 64 — 28 ☐ 18+27

5. Liên giải được 32 bài toán. Hải giải được 27 bài toán. Hỏi bạn nào giải được nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu bài toán?

6. Trong vườn nhà Minh có 16 cây cam và 1 cây bưởi. Hỏi loại cây nào ít hơn và ít hơn bao nhiêu?

TỔNG. SỐ HẠNG. TÌM SỐ HẠNG CHƯA BIẾT

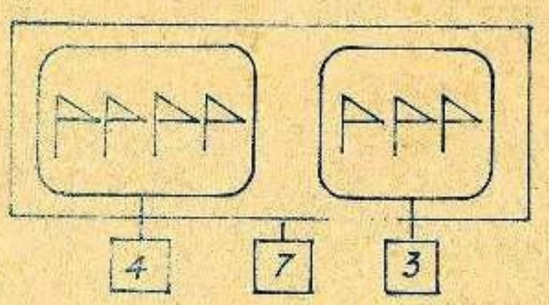

4 + 3 = 7

4 là số hạng

3 là số hạng

7 là tổng

Số hạng	4
Số hạng	3
Tổng	7

Số hạng (chưa biết)		Số hạng (đã biết)		Tổng
↓		↓		↓
?	+	3	=	7

(7 — 3 = 4)

4 + 3 = 7

thuongmaitruongxua.vn

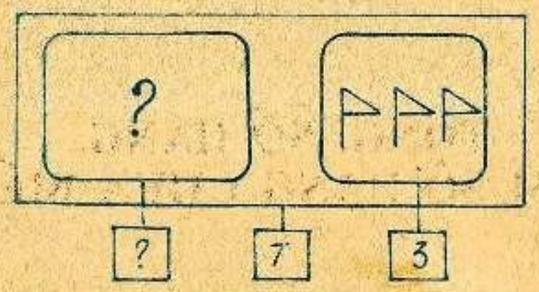

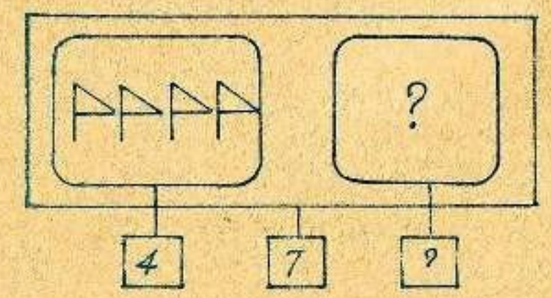

Số hạng (đã biết)		Số hạng (chưa biết)		Tổng
↓		↓		↓
4	+	?	=	7
	(7 — 4 = 3)			
4	+	3	=	7

Ghi nhớ: Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.

▲ 1. Tính tổng của:

a) 1 và 6; 5 và 2; 7 và 0;

b) 13 và 24; 26 và 57; 50 và 50.

2.

Số hạng	9	9		13		47
Số hạng	8		8		36	28
Tổng		17	17	25	52	

3. Lớp Hai và lớp Ba thu nhặt được tất cả 84 vỏ chai, trong đó lớp Hai thu được 38 vỏ chai. Hỏi lớp Ba thu được bao nhiêu vỏ chai?

4. Điền số thích hợp vào ô trống:

6	+	3	= □		□	+	19	= 37
□	+	3	= 9		24	+	□	= 35
6	+	□	= 9		□	+	35	= 52

HIỆU. SỐ BỊ TRỪ. SỐ TRỪ

TÌM SỐ BỊ TRỪ CHƯA BIẾT

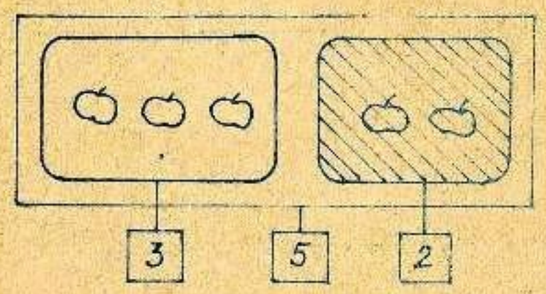

5 — 2 = 3

5 là số bị trừ

2 là số trừ

3 là hiệu

Số bị trừ	5
Số trừ	2
Hiệu	3

thuongmaitruongxua.vn

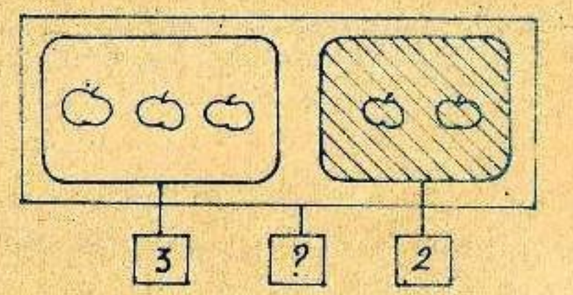

Số bị trừ (chưa biết)		Số trừ (đã biết)		Hiệu (đã biết)
↓		↓		↓
?	—	2	=	3

(3 + 2 = 5)

5 — 2 = 3

Ghi nhớ: Muốn tìm số bị trừ chưa biết ta lấy hiệu cộng với số trừ.

▲ 1. Tính hiệu của:

a) 7 và 4; 8 và 3; 10 và 6;

b) 25 và 14; 63 và 27; 100 và 72.

2.

Số bị trừ	9			62		
Số trừ	4	4	12	18	27	65
Hiệu		5	23		36	28

3. Hằng cho bạn 15 nhãn vở. Hằng còn 17 nhãn vở. Hỏi trước khi cho bạn, Hằng có tất cả bao nhiêu nhãn vở ?

4. Điền số thích hợp vào ô trống:

□ — 3 = 6 □ — 17 = 16

□ — 12 = 7 □ — 25 = 28

□ — 13 = 14 □ — 39 = 45

TÌM SỐ TRỪ CHƯA BIẾT

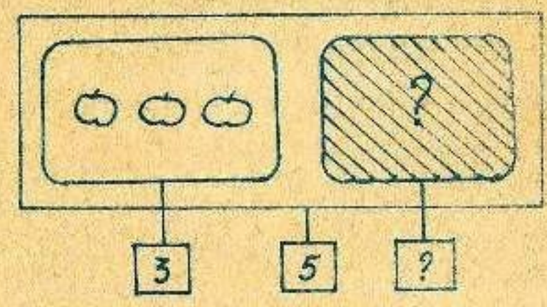

Số bị trừ (đã biết)		Số trừ (chưa biết)		Hiệu (đã biết)
↓		↓		↓
5	—	?	=	3

(5 — 3 = 2)

5 — 2 = 3

thuongmaitruongxua.vn

Ghi nhớ: Muốn tìm số trừ chưa biết ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

▲ 1. Tính hiệu của:

7 và 5; 25 và 17; 42 và 19;
18 và 12; 34 và 28; 56 và 37.

2.

Số bị trừ	8		8		42	55
Số trừ	3	3		34		
Hiệu		5	5	48	18	26

3. Bến xe khách có 35 ôtô. Một số ôtô chở khách đã rời bến, trên bến còn 17 ôtô. Hỏi có bao nhiêu ôtô đã rời bến?

4. Điền số thích hợp vào ô trống:

12	—	8	= □	□	—	18	= 34
12	—	□	= 4	42	—	□	= 28
□	—	8	= 4	35	—	□	= 17

TOÁN HỢP CÓ HAI PHÉP TÍNH CỘNG, TRỪ

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH

Bài toán 1

Lan làm được 5 cái phong bì. Mai làm được 4 cái phong bì. Hồng làm được 6 cái phong bì. Hỏi:

a) Lan và Mai làm được mấy cái phong bì?

b) Cả ba bạn làm được bao nhiêu cái phong bì?

Tóm tắt bài toán

Đã biết : Lan : 5 phong bì
Mai : 4 phong bì
Hồng : 6 phong bì

Phải tìm: a) Lan và Mai? phong bì
b) Cả ba bạn? phong bì

Gợi ý cách giải

a) Tìm số phong bì của Lan và Mai làm được?

b) Tìm số phong bì của cả ba bạn?

Giải

a) 5 + 4 = 9 (phong bì)

b) 9 + 6 = 15 (phong bì)

Đáp số: a) 9 phong bì
b) 15 phong bì

Bài toán 2

An có 17 hòn bi. Bình có 16 hòn bi. Cường có 19 hòn bi. Hỏi cả ba bạn có bao nhiêu hòn bi?

Tóm tắt bài toán

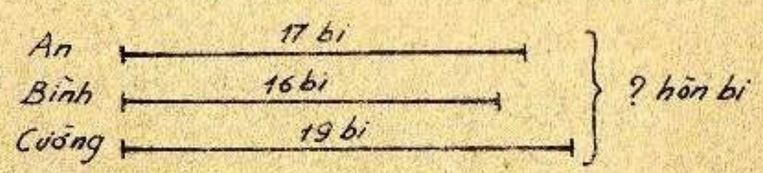

Gợi ý cách giải

a) Tìm số bi của An và Bình

b) Tìm số bi của cả ba bạn.

Giải

17 + 16 = 33 (hòn bi)

33 + 19 = 52 (hòn bi)

Đáp số: 52 hòn bi.

▲ 1.

Số bị trừ	72		53	42	83	
Số trừ	48	27		26		19
Hiệu		46	34		67	38

2. Lớp Một có 34 học sinh. Lớp Hai có 37 học sinh. Lớp Ba có 28 học sinh. Hỏi cả ba lớp có bao nhiêu học sinh?

3. Vườn cây ăn quả của nhà trường có 18 cây táo, 23 cây cam và 16 cây vải. Hỏi vườn trường có tất cả bao nhiêu cây ăn quả?

4. Lớp Hai có 42 học sinh, trong đó có 28 học sinh nam. Hỏi lớp Hai có bao nhiêu học sinh nữ?

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH (tiếp theo)

Bài toán 1

Tuần trước Bình kiếm được 5 bó củi. Tuần này Bình kiếm được 7 bó củi. Mẹ đã đun hết 6 bó. Hỏi:

thuongmaitruongxua.vn

a) Bình kiếm được tất cả bao nhiêu bó củi?

b) Nhà Bình còn mấy bó củi?

Tóm tắt đề toán

Đã biết: Kiếm được 5 bó và 7 bó
Đun hết 6 bó

Phải tìm: Còn lại mấy bó?

Gợi ý cách giải

a) Tìm số bó củi Bình đã kiếm được trong hai tuần

b) Tìm số bó củi còn chưa đun.

Giải

a) 5 + 7 = 12 (bó)

b) 12 — 6 = 6 (bó)

Đáp số: a) 12 bó
b) 6 bó

Bài toán 2

Nhà em có 32 quả trứng. Mẹ đem bán 17 quả. Gà nhà em lại đẻ thêm 8 quả nữa. Hỏi bây giờ nhà em có bao nhiêu quả trứng?

Tóm tắt bài toán

Có : 32 quả
Bán : 17 quả
Còn : ? quả
Thêm: 8 quả
} ? quả trứng

Gợi ý cách giải

a) Tìm số trứng còn lại sau khi mẹ đem bán.

b) Tìm số trứng sau khi gà đẻ thêm.

Giải

32 — 17 = 15 (quả)

15 + 8 = 23 (quả)

Đáp số: 23 quả trứng.

A 1. Điền số thích hợp vào ô trống:

□ + 12 = 25 42 — □ = 17

28 + □ = 52 □ — 24 = 26

□ — 36 = 18 75 — □ = 59

2. Tủ sách của lớp có 37 quyển. Lớp mua thêm 28 quyển. Lớp đã cho mượn 49 quyển. Hỏi trong tủ sách của lớp còn bao nhiêu quyển?

3. Một ôtô chở 45 hành khách. Đến một bến giữa đường có 18 khách xuống và có 15 khách lên. Hỏi trong ôtô bây giờ có bao nhiêu hành khách?

4. Mẹ Lân đã bán đi 16 con gà, trong chuồng còn 17 con. Hỏi trước khi bán, nhà Lân có bao nhiêu con gà?

thuongmaitruongxua.vn

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH (tiếp theo)

Bài toán 1

Em gấp được 18 cái thuyền. Em cho Mai 5 cái, rồi cho Tâm 6 cái. Hỏi:

a) Sau khi cho Mai, em còn bao nhiêu thuyền?

b) Sau khi cho cả Mai và Tâm, em còn bao nhiêu thuyền?

Tóm tắt đề toán

Đã biết : Có : 18 thuyền
Cho Mai : 5 thuyền
Cho Tâm: 6 thuyền

Phải tìm: a) Sau khi cho Mai, còn ? thuyền
b) Sau khi cho Mai và Tâm, còn ? thuyền.

thuongmaitruongxua.vn

Gợi ý cách giải

a) Tìm số thuyền còn lại sau khi cho Mai

b) Tìm số thuyền còn lại sau khi cho Mai và Tâm.

Giải

a) 18 — 5 = 13 (thuyền)

b) 13 — 6 = 7 (thuyền)

Đáp số: a) 13 thuyền
b) 7 thuyền

Bài toán 2

Em gấp được 18 cái thuyền. Em cho Mai 5 cái, rồi cho Tâm 6 cái. Hỏi:

a) Em cho cả Mai và Tâm bao nhiêu cái thuyền?

b) Em còn lại bao nhiêu cái thuyền?

Tóm tắt đề toán

Đã biết: Có : 18 thuyền
Cho Mai: 5 thuyền
Cho Tâm: 6 thuyền

Phải tìm: a) Cho Mai và Tâm? thuyền
b) Còn lại? thuyền

Gợi ý cách giải

a) Tìm số thuyền em cho cả Mai và Tâm ?

b) Tìm số thuyền còn lại?

Giải:

a) 5 + 6 = 11 (thuyền)

b) 18 — 11 = 7 (thuyền)

Đáp số: a) 11 thuyền
b) 7 thuyền

Bài toán 3

Toàn có 32 hòn bi. Toàn cho Tùng 8 bi, rồi cho Nam 7 bi. Hỏi Toàn còn bao nhiêu hòn bi?

Tóm tắt đề toán

Đã biết: Có : 32 bi

Cho Tùng : 8 bi

Cho Nam : 7 bi

Phải tìm: Toàn còn? bi

Gợi ý cách giải (có 2 cách giải)

Cách 1

— Tìm số bi còn lại sau khi cho Tùng?

— Tìm số bi còn lại sau khi cho cả Tùng và Nam?

Cách 2

— Tìm số bi cho cả Tùng và Nam?

— Tìm số bi còn lại sau khi cho cả Tùng và Nam?

thuongmaitruongxua.vn

Giải

Cách 1

32 — 8 = 24 (bi)

24 — 7 = 17 (bi)

Đáp số: 17 bi.

Cách 2

8 + 7 = 15 (bi)

32 — 15 = 17 (bi)

Đáp số: 17 bi.

▲ 1. Đầu năm học mẹ cho em 16 quyển vở, bố cho em 18 quyển vở. Em đã dùng hết 15 quyển. Hỏi em còn bao nhiêu quyển vở?

2. Cô giáo có 42 bút chì. Cô thưởng cho tổ Một 18 bút, thưởng cho tổ Hai 19 bút. Hỏi cô giáo còn bao nhiêu bút chì?

3. Trên bãi cỏ có 34 con vừa trâu, vừa bò, vừa ngựa. Trong đó có 14 con trâu và 17 con bò. Hỏi có bao nhiêu con ngựa?

4. Đàn vịt có 72 con. Một số con đã xuống ruộng tìm mồi. Trên bờ còn 17 con. Hỏi có bao nhiêu con vịt ở dưới ruộng?

LUYỆN TẬP *(2 tiết)*

1. Hà có 9 hòn bi. An ít hơn Hà 4 hòn bi. Hỏi:

a) An có bao nhiêu hòn bi?

b) Cả Hà và An có bao nhiêu hòn bi?

Tóm tắt đề toán

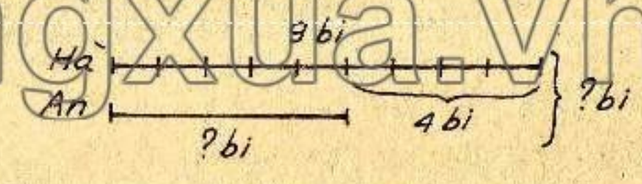

Gợi ý cách giải

a) Tìm số bi của An?

b) Tìm số bi của cả Hà và An?

Giải

a) 9 — 4 = 5 (bi)

b) 9 + 5 = 14 (bi)

Đáp số : a) 5 bi

b) 14 bi

2. Lớp của Hương có 25 học sinh gái. Số học sinh trai ít hơn số học sinh gái là 12 bạn. Hỏi lớp của Hương có tất cả bao nhiêu học sinh?

3. Bảo gấp được 7 cái thuyền. Nam gấp được nhiều hơn Bảo 5 cái thuyền. Hỏi:

a) Nam gấp được bao nhiêu cái thuyền?

b) Cả Bảo và Nam gấp được bao nhiêu cái thuyền?

Tóm tắt đề toán

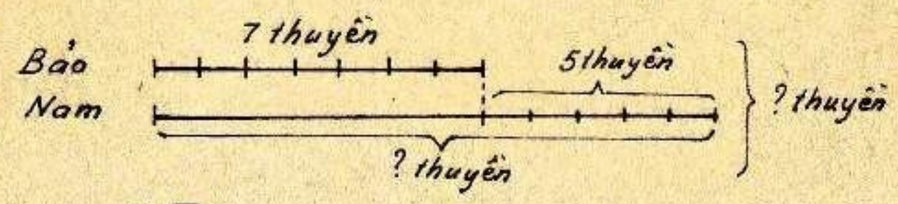

Gợi ý cách giải

a) Tìm số thuyền Nam gấp được?

b) Tìm số thuyền của cả Bảo và Nam?

Giải

a) 7 + 5 = 12 (thuyền)

b) 7 + 12 = 19 (thuyền)

Đáp số : a) 12 thuyền
b) 19 thuyền

4. Hai anh em đi câu cá. Em câu được 17 con cá. Anh câu được nhiều hơn em 8 con cá. Hỏi cả hai anh em câu được bao nhiêu con cá?

5. Hồng bắt được 27 con cua. Hải bắt được 19 con cua. Vinh bắt được 28 con cua. Hỏi cả ba bạn bắt được bao nhiêu con cua?

6. Đàn gà nhà em có 28 con gà mái và 5 con gà trống. Mẹ bán đi 7 con. Hỏi đàn gà nhà em còn bao nhiêu con?

7. Cửa hàng bán 83 chiếc khăn mặt trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán 29 chiếc. Ngày thứ hai bán 25 chiếc. Hỏi ngày thứ ba bán bao nhiêu chiếc khăn mặt ?

8. Điền số thích hợp vào ô trống:

□	+	28	= 72	83	—	□	= 37
43	+	□	= 63	□	—	34	= 19
□	—	58	= 47	61	—	□	= 42

thuongmaitruongxua.vn

HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH TỨ GIÁC

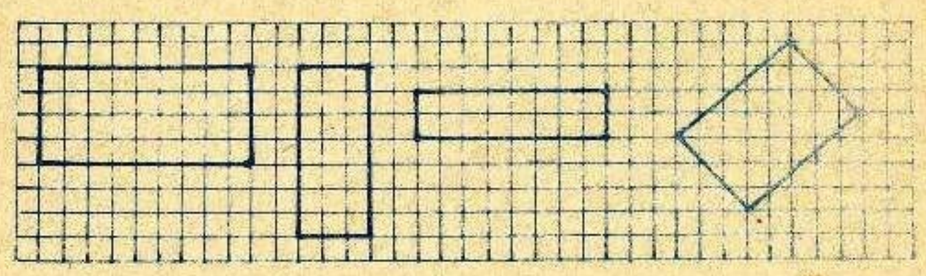

Đây là những hình chữ nhật

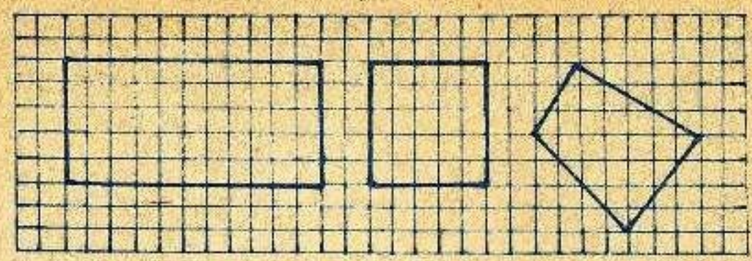

Đây là những hình tứ giác

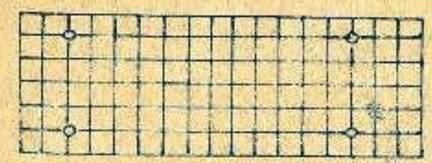

Δ 1. Nối 4 điểm ở hình vẽ bên để có:

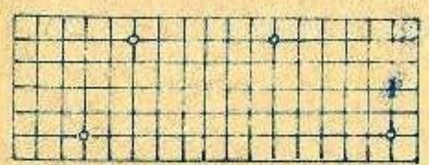

a) Một hình chữ nhật.

b) Một hình tứ giác.

thuongmaitruongxua.vn

2. Tìm trên hình vẽ bên hai hình tam giác và một hình tứ giác. Hãy tô màu hình tứ giác đó.

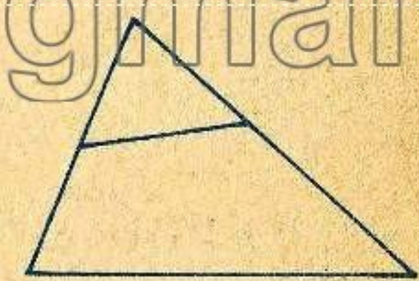

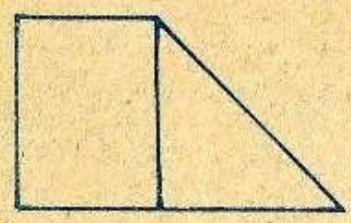

3. Tìm trên hình vẽ bên một hình chữ nhật, hai hình tứ giác, một hình tam giác.

KI LÔ GAM

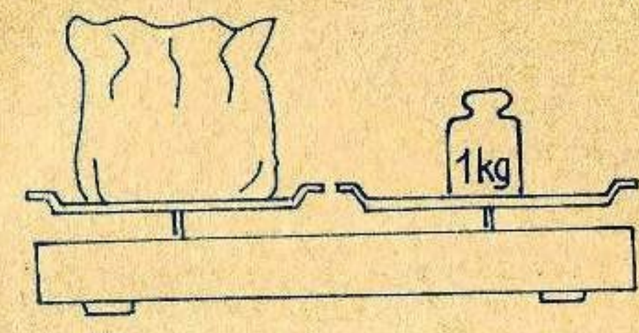

Gói muối cân nặng một kilôgam. Một kilôgam viết tắt là 1kg.

▲ 1. Đọc:

5kg đọc là năm kilôgam

8kg 27kg 94kg 100kg

2. Viết tắt:

sáu kilôgam viết tắt là 6 kg.

ba mươi mốt kilôgam, bảy mươi lăm kilôgam, tám mươi tám kilôgam.

3. Tính:

3kg + 5kg = 8kg ; 8kg — 5kg = 3kg ;

5kg + 3kg ; 6kg + 9kg ; 31kg + 52kg ;

17kg + 38kg ; 8kg — 3kg ; 15kg — 9kg ;

83kg — 31kg ; 53kg — 17kg.

4. Thực hành:

Cân cái túi đựng sách, vở, cân 2kg gạo (với cân đĩa), tự cân mình xem được bao nhiêu kilôgam (với cân bàn).

LÍT

Ca lít đựng đầy nước. Ta có một lít nước.

Một lít nước viết tắt là 1*l*.

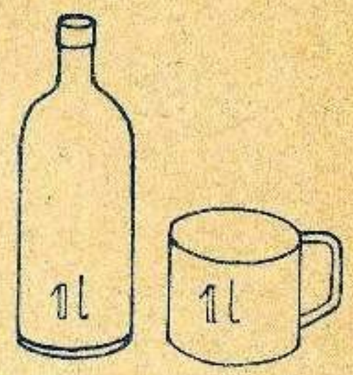

▲ 1. Đọc:

3*l* đọc là ba lít

9*l* 56*l* 77*l* 100*l*

2. Viết tắt:

bốn lít viết tắt là 4*l*

năm lít, bốn mươi lăm lít, tám mươi mốt lít, chín mươi tư lít (chín mươi bốn lít)

3. Tính: 3*l* + 5*l* = 8*l*

4*l* + 4*l*	5*l* + 7*l*	23*l* + 42*l*	49*l* + 28*l*
8*l* — 4*l*	12*l* — 7*l*	65*l* — 23*l*	77*l* — 28*l*

4. Thực hành:

Lấy nước đầy vào ca lít rồi đổ nước trong ca vào một cái can 5*l* chưa đựng gì. Hỏi phải đổ mấy lần như vậy thì can đầy nước?

MÉT

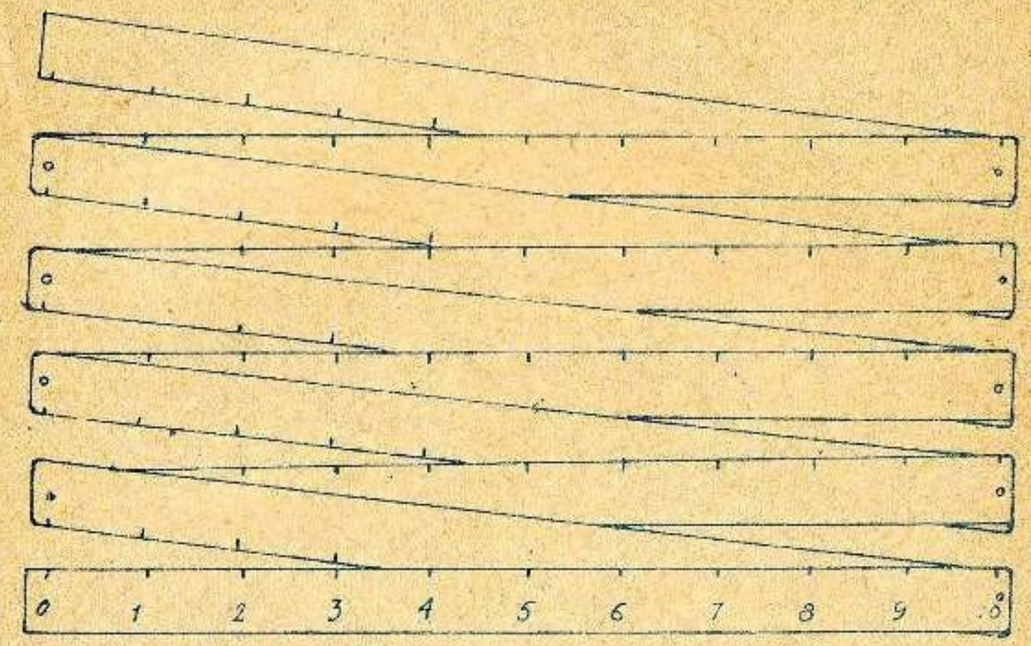

Kéo thẳng cái thước gấp này sẽ được độ dài một mét.

Một mét viết tắt là 1m.

1m = 10dm

1m = 100cm

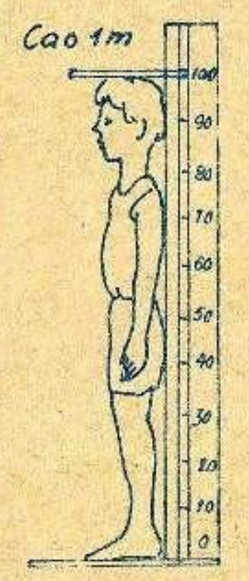

Bạn này cao 1m
(hình vẽ thu nhỏ)

Cái bảng dài hơn 1m
(hình vẽ thu nhỏ)

thuongmaitruongxua.vn

▲ 1. Đọc:

2m đọc là hai mét

7m 10m 56m 100m

2. Viết tắt:

bốn mét viết tắt là 4m

hai mét, hai mươi mét, sáu mươi sáu mét,

một trăm mét.

3. Điền số vào dấu chấm:

3m2dm = 32dm	15dm = 1m 5dm
4m5dm = ...dm	23dm = ...m...dm
6m9dm = ...dm	72dm = ...m...dm

4. Thực hành: Dùng thước mét đo chiều dài, chiều rộng mặt bàn giáo viên; đo chiều dài, chiều rộng của lớp học.

thuongmaitruongxua.vn

LUYỆN TẬP

1.

Viết	Đọc
18 kg	. . .
. . .	bảy kilôgam

Viết	Đọc
40 *l*	. . .
. . .	mười một lít

Viết	Đọc
26 m	. . .
. . .	năm mươi mét

2. Tính:

13m + 2m = 15m ; 27m + 52m ; 34m + 56m ;

11m + 8m = ; 79m — 27m ; 90m — 56m ;

19m — 8m= ; 85m — 58m ; 100m — 45m .

3. Con gà nặng 3kg. Con ngỗng nặng hơn con gà 2kg. Hỏi con ngỗng nặng mấy kilôgam?

4. Một thùng đựng 18*l* nước mắm. Một can đựng 4*l* nước mắm. Hỏi thùng đựng nhiều hơn can bao nhiêu lít nước mắm?

5. Mảnh vải thứ nhất dài 4m. Mảnh vải thứ hai và mảnh vải thứ ba đều dài 4m. Hỏi cả ba mảnh vải dài bao nhiêu mét?

KHÁI NIỆM VỀ PHÉP NHÂN

1. *Ví dụ:*

Việt lấy mỗi lần 2 quả cam

Việt lấy tất cả 3 lần. Như vậy đã lấy ra 6 quả cam:

2 quả + 2 quả + 2 quả = 6 quả.

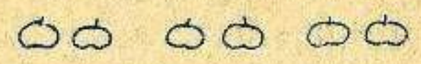

2. 2 + 2 + 2 là phép cộng 3 số hạng bằng nhau, mỗi số hạng là 2.

2 + 2 + 2 được ghi là 2 x 3

2 + 2 + 2 = 2 x 3

Phép cộng các số hạng bằng nhau là phép nhân

Dấu x là dấu nhân.

2 x 3 = 6

đọc là: 2 nhân với 3 bằng 6

2 là thừa số thứ nhất

3 là thừa số thứ hai

2 x 3 là tích của 2 và 3; 6 cũng là tích của 2 và 3.

▲ 1. Tính kết quả của các phép tính:

thuongmaitruongxua.vn

2 + 2 + 2 + 2; 4 + 4; 3 + 3 + 3 + 3; 4 + 4 + 4;

2 x 4; 4 x 2; 3 x 4; 4 x 3;

2 + 2 + 2 + 2 = 8;

2 x 4 = 8.

2. Đọc và thay các phép tính dưới đây bằng phép cộng rồi tính kết quả:

5 x 3; 3 x 5; 2 x 6; 6 x 2;

5 x 3 = 5 + 5 + 5 = 15.

3. Hãy nêu thừa số thứ nhất, thừa số thứ hai và tích trong các phép tính ở bài tập 2.

KHÁI NIỆM VỀ PHÉP CHIA

1. *Ví dụ 1:* Có 3 đĩa cam, mỗi đĩa có 2 quả cam. Như vậy có tất cả 6 quả cam.

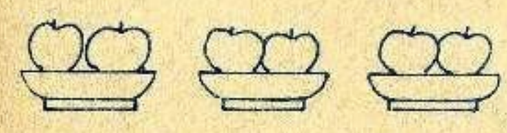

Ta có phép nhân:

2 x 3 = 6

2. *Ví dụ 2:*

Có 6 quả cam, chia đều vào 3 đĩa thì mỗi đĩa có 2 quả cam.

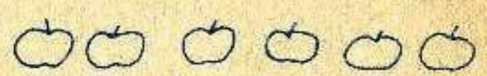

Ta có phép chia là "6 chia cho 3 bằng 2", ghi là 6 : 3 = 2. Đọc là: 6 chia cho 3 bằng 2.

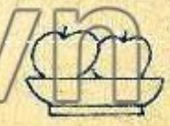

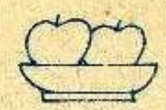

Dấu : là dấu chia

6 là số bị chia

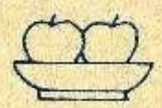

3 là số chia.

6 : 3 là thương của 6 và 3; 2 cũng là thương của 6 và 3.

3. *Ví dụ 3*

Có 6 quả cam, chia đều vào các đĩa, mỗi đĩa có 2 quả thì được 3 đĩa cam.

Ta có phép chia là "6 chia cho 3 bằng 2", ghi là 6 : 3 = 2. Đọc là: 6 chia cho 3 bằng 2.

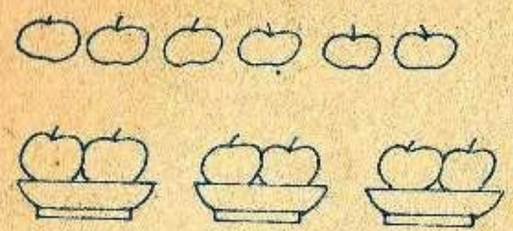

4. *Ta thấy, từ phép nhân 2 x 3 = 6 ta có hai phép chia: 6 : 3 = 2, 6 : 2 = 3*

▲1. Tính: 4 x 5
20 : 5
20 : 4

2. Tính: 8 + 8 + 8; 8 x 3; 24 : 8; 24 : 3.

3. Hãy nêu số bị chia, số chia và thương trong các phép tính chia ở bài tập 2.

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 1

1. *Ví dụ 1*

1 + 1 = 2 1 + 1 + 1 = 3 1 + 1 + 1 + 1 = 4

1 x 2 = 2 1 x 3 = 3 1 x 4 = 4

Số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó.

2. *Ví dụ 2*

2 x 3 = 2 + 2 + 2 = 6
3 x 2 = 3 + 3 = 6 Ta có : 2 x 3 = 3 x 2

4 x 3 = 4 + 4 + 4 = 12
3 x 4 = 3 + 3 + 3 + 3 = 12

Ta có : 4 x 3 = 3 x 4

Khi thay đổi thứ tự các thừa số thì tích không thay đổi

3. *Ví dụ 3*

1 x 2 = 2 1 x 3 = 3 1 x 4 = 4

2 x 1 = 2 3 x 1 = 3 4 x 1 = 4

Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.

thuongmaitruongxua.vn

4. Bảng nhân có thừa số 1.

1 x 1 = 1	1 x 1 = 1
1 x 2 = 2	2 x 1 = 2
1 x 3 = 3	3 x 1 = 3
1 x 4 = 4	4 x 1 = 4
1 x 5 = 5	5 x 1 = 5
1 x 6 = 6	6 x 1 = 6
1 x 7 = 7	7 x 1 = 7
1 x 8 = 8	8 x 1 = 8
1 x 9 = 9	9 x 1 = 9
1 x 10 = 10	10 x 1 = 10

▲1. 1 x 5 1 x 10 1 x 13 1 x 20
5 x 1 10 x 1 13 x 1 20 x 1

2. 3 x 5 = 5 x □; 4 x 7 = □ x 4
6 x 10 = 10 x □; 9 x 10 = □ x 9

□ x 2 = 2 x 3
8 x □ = 5 x 8

PHÉP CHIA CHO 1

1. *Bảng chia cho 1.*

2 x 1 = 2 3 x 1 = 3 4 x 1 = 4

2 : 1 = 2 3 : 1 = 3 4 : 1 = 4

Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.

1 : 1 = 1	6 : 1 = 6
2 : 1 = 2	7 : 1 = 7
3 : 1 = 3	8 : 1 = 8

2. *Một số khác 0 chia cho chính nó.*

1 x 3 = 3 1 x 5 = 5
3 x 1 = 3 5 x 1 = 5
3 : 1 = 3 5 : 1 = 5

3 : 3 = 1 5 : 5 = 1

Số nào chia cho chính nó cũng bằng 1.

▲1. 1 x 5 1 x 7 1 x 9 1 x 10
5 x 1 7 x 1 9 x 1 10 x 1
5 : 1 7 : 1 9 : 1 10 : 1

2. 1 x 15 1 x 18 1 x 20
15 x 1 18 x 1 20 x 1
15 : 1 18 : 1 20 : 1
15 : 15 18 : 18 20 : 20

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 2

1. 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10
2 x 5 = 10

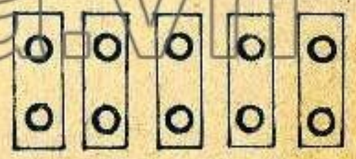

2.

2 x 1 = 2	1 x 2 = 2
2 x 2 = 4	2 x 2 = 4
2 x 3 = 6	3 x 2 = 6
2 x 4 = 8	4 x 2 = 8
2 x 5 = 10	5 x 2 = 10
2 x 6 = 12	6 x 2 = 12
2 x 7 = 14	7 x 2 = 14
2 x 8 = 16	8 x 2 = 16
2 x 9 = 18	9 x 2 = 18
2 x 10 = 20	10 x 2 = 20

thuongmaitruongxua.vn

▲ 1. Thêm 2 vào số trong ô liền trước để được số trong ô liền sau:

2		6		10					20

2. 2 x 4 2 x 1 2 x 5 2 x 8 2 x 10
   2 x 3 2 x 2 2 x 7 2 x 6 2 x 9

3. 4 x 2 1 x 2 5 x 2 8 x 2 10 x 2
   3 x 2 2 x 2 7 x 2 6 x 2 9 x 2

4. An mua 3 lần, mỗi lần 2 quyển vở. Hỏi An mua tất cả mấy quyển vở?

5. Có 5 mảnh vải, mỗi mảnh dài 2m. Hỏi tất cả có bao nhiêu mét vải?

thuongmaitruongxua.vn

PHÉP CHIA CHO 2

1. 4 x 2 = 8
   8 : 2 = 4

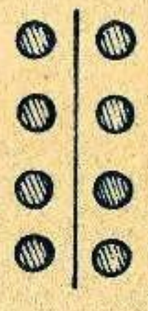

2.

2 : 2 = 1	12 : 2 = 6
4 : 2 = 2	14 : 2 = 7
6 : 2 = 3	16 : 2 = 8
8 : 2 = 4	18 : 2 = 9
10 : 2 = 5	20 : 2 = 10

▲1. 8 : 2 10 : 2 12 : 2 2 : 2 20 : 2
    14 : 2 6 : 2 4 : 2 16 : 2 18 : 2

2. 2 x 3 = □ 2 x 9 = □ 2 x 5 = □
   6 : 2 = □ 18 : 2 = □ 10 : 2 = □
   6 : 3 = □ 18 : 9 = □ 10 : 5 = □

3. Có 8 ghế băng, mỗi ghế băng có 2 em ngồi học. Hỏi có tất cả bao nhiêu em ngồi học?

4. Có 16 em chia đều thành 2 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy em?

5. Cứ 2 em ngồi một bàn. Hỏi có 16 em thì ngồi mấy bàn?

LUYỆN TẬP

1. 2 x 8 = 16 3 x 2 2 x 1 2 x 5 10 x 2

2. 16 : 2 = 8
   6 : 2 12 : 2 14 : 2 18 : 2 20 : 2

3. Số máy bay : 4 chiếc

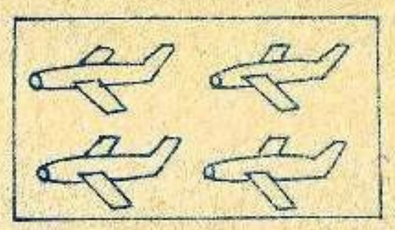

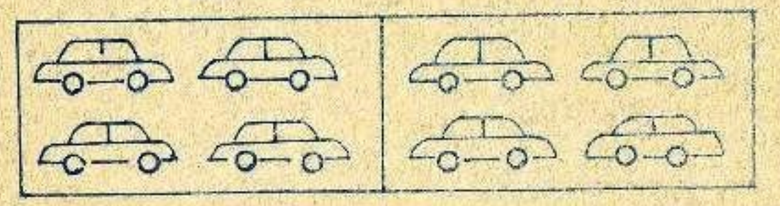

Số ô tô : 4 x 2 = 8 (chiếc)

Số ô tô gấp 2 lần số máy bay.

Ta nói rằng : Gấp số 4 lên 2 lần thì được số 8 vì

4 x 2 = 8

Gấp 2 lần gọi là gấp đôi: "Gấp đôi số 4 được số 8".

4. Có 2 bao gạo, mỗi bao đựng 5kg. Hỏi có tất cả mấy kilôgam gạo?

5. Có 10kg gạo đựng đều trong 2 bao. Hỏi mỗi bao đựng mấy kilôgam gạo?

6. Bao thứ nhất có 5kg gạo. Bao thứ hai có số kilôgam gạo gấp đôi bao thứ nhất. Hỏi bao thứ hai có mấy kilôgam gạo?

thuongmaitruongxua.vn

Giải

5 x 2 = 10 (kg)

Đáp số: 10kg gạo.

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 3

1.

3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15

3 x 5 = 15

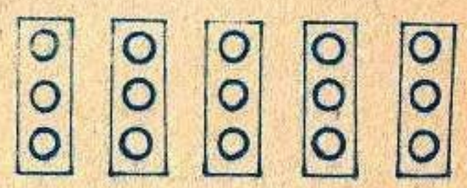

2.

3 x 1 = 3	1 x 3 = 3
3 x 2 = 6	2 x 3 = 6
3 x 3 = 9	3 x 3 = 9
3 x 4 = 12	4 x 3 = 12
3 x 5 = 15	5 x 3 = 15
3 x 6 = 18	6 x 3 = 18
3 x 7 = 21	7 x 3 = 21
3 x 8 = 24	8 x 3 = 24
3 x 9 = 27	9 x 3 = 27
3 x 10 = 30	10 x 3 = 30

▲1. Thêm 3 vào số trong ô liền trước để được số trong ô liền sau:

3		9			18				30

2. 3 x 5 3 x 3 3 x 6 3 x 4 3 x 9
   3 x 1 3 x 10 3 x 2 3 x 7 3 x 8

3. 5 x 3 3 x 3 10 x 3 1 x 3 4 x 3
   9 x 3 7 x 3 8 x 3 2 x 3 6 x 3

4. Có 4 nhóm, mỗi nhóm có 3 bạn. Hỏi tất cả có mấy bạn?

5. Có 3 thùng đựng dầu, mỗi thùng đựng 10*l* dầu. Hỏi tất cả có bao nhiêu lít dầu?

PHÉP CHIA CHO 3

1.

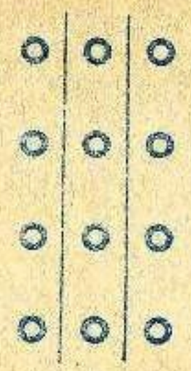

4 x 3 = 12
12 : 3 = 4

2.

3 : 3 = 1	18 : 3 = 6
6 : 3 = 2	21 : 3 = 7
9 : 3 = 3	24 : 3 = 8
12 : 3 = 4	27 : 3 = 9
15 : 3 = 5	30 : 3 = 10

▲1. 3 : 3 21 : 3 9 : 3 24 : 3 6 : 3
30 : 3 12 : 3 27 : 3 15 : 3 18 : 3

2. 3 x 8 = ☐ 5 x 3 = ☐ 7 x 3 = ☐
24 : 3 = ☐ 15 : 3 = ☐ 21 : 3 = ☐
24 : 8 = ☐ 15 : 5 = ☐ 21 : 7 = ☐

3. Có 3 bó hoa, mỗi bó có 5 bông hoa. Hỏi cỏ tất cả bao nhiêu bông hoa?

4. Có 15 bông hoa, chia đều thành 3 bó. Hỏi mỗi bó có mấy bông hoa?

5. Có 15 mét vải may thành một số bộ quần áo như nhau, mỗi bộ hết 3 mét vải. Hỏi may được mấy bộ quần áo?

LUYỆN TẬP

1.

Thừa số	3	3	3	7	10
Thừa số	5	8	9	3	3
Tích	15				

2.

Số bị chia	15	6	12	27	30
Số chia	3	3	3	3	3
Thương	5				

3.

Số xe máy: 2

Số xe đạp: 2 x 3 = 6

Số xe đạp nhiều gấp 3 lần số xe máy

Ta nói rằng: *Gấp số 2 lên 3 lần thì được số 6 vì*

2 x 3 = 6

4. Có 3 can, mỗi can đựng 4*l* nước mắm. Hỏi có tất cả bao nhiêu lít nước mắm?

thuongmaitruongxua.vn

5. Có 12*l* nước mắm đựng đều trong 3 can. Hỏi mỗi can đựng mấy lít nước mắm?

6. Can thứ nhất đựng 4*l* nước mắm. Can thứ hai đựng số lít nước mắm gấp 3 lần can thứ nhất. Hỏi can thứ hai đựng bao nhiêu lít nước mắm?

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 4

1. 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 20
   4 x 5 = 20

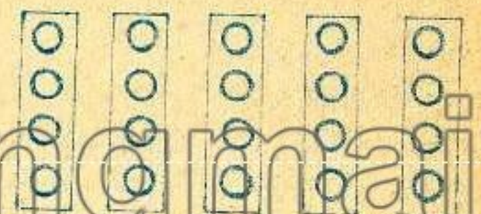

thuongmaitruongxua.vn

2.

4 x 1 = 4	1 x 4 = 4
4 x 2 = 8	2 x 4 = 8
4 x 3 = 12	3 x 4 = 12
4 x 4 = 16	4 x 4 = 16
4 x 5 = 20	5 x 4 = 20
4 x 6 = 24	6 x 4 = 24
4 x 7 = 28	7 x 4 = 28
4 x 8 = 32	8 x 4 = 32
4 x 9 = 36	9 x 4 = 36
4 x 10 = 40	10 x 4 = 40

▲1. Thêm 4 vào số trong ô liền trước để có số trong ô liền sau:

4		12			24				40

2. 4 x 1 4 x 8 4 x 3 4 x 6 4 x 9
   4 x 10 4 x 5 4 x 7 4 x 2 4 x 4

3. 1 x 4 10 x 4 5 x 4 9 x 4 6 x 4
   8 x 4 3 x 4 7 x 4 4 x 4 2 x 4

4. Mỗi bàn có 4 chân. Hỏi 6 cái bàn có bao nhiêu chân?

5. Mỗi bao gạo đựng 10kg gạo. Hỏi 4 bao gạo đựng bao nhiêu kilôgam gạo?

PHÉP CHIA CHO 4

1. 5 x 4 = 20
   20 : 4 = 5

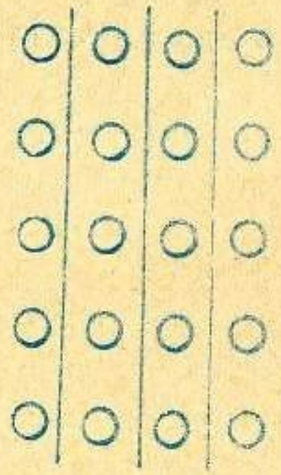

2.

4 : 4 = 1	24 : 4 = 6
8 : 4 = 2	28 : 4 = 7
12 : 4 = 3	32 : 4 = 8
16 : 4 = 4	36 : 4 = 9
20 : 4 = 5	40 : 4 =10

▲1. 40 : 4 36 : 4 32 : 4 16 : 4 24 : 4
4 : 4 8 : 4 12 : 4 28 : 4 20 : 4

2. 4 x 6 = ☐ 8 x 4 = ☐ 4 x 7 = ☐
24 : 4 = ☐ 32 : 4 = ☐ 28 : 4 = ☐
24 : 6 = ☐ 32 : 8 = ☐ 28 : 7 = ☐

3. Có 4 hàng, mỗi hàng có 8 bạn. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?

4. Có 32 quyển vở, xếp đều thành 4 chồng. Hỏi mỗi chồng có bao nhiêu quyển vở ?

5. Có 32 bạn, xếp đều thành hàng, mỗi hàng có 4 bạn. Hỏi tất cả có bao nhiêu hàng?

LUYỆN TẬP

1.

Thừa số	4	4	4	7	9
Thừa số	3	5	9	4	4
Tích	12				

2.

Số bị chia	12	8	28	32	40
Số chia	4	4	4	4	4
Thương	3				

3. Mỗi bộ quần áo may hết 3m vải. Hỏi 4 bộ quần áo như thế may hết bao nhiêu mét vải?

4. Có 12 mét vải may được 4 bộ quần áo như nhau. Hỏi mỗi bộ quần áo may hết mấy mét vải?

5. Mỗi bộ quần áo may hết 3m vải. Hỏi có 12m vải thì may được mấy bộ quần áo như thế?

thuongmaitruongxua.vn

6. Nhà bạn An nuôi 5 con gà và nuôi số vịt nhiều gấp 4 lần số gà. Hỏi nhà bạn An nuôi bao nhiêu con vịt?

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 5

1 5 + 5 + 5 + 5 + 5 = 25
5 x 5 = 25

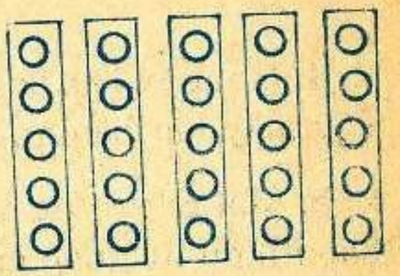

2.

5 x 1 = 5	1 x 5 = 5
5 x 2 = 10	2 x 5 = 10
5 x 3 = 15	3 x 5 = 15
5 x 4 = 20	4 x 5 = 20
5 x 5 = 25	5 x 5 = 25
5 x 6 = 30	6 x 5 = 30
5 x 7 = 35	7 x 5 = 35
5 x 8 = 40	8 x 5 = 40
5 x 9 = 45	9 x 5 = 45
5 x 10 = 50	10 x 5 = 50

▲1. Thêm 5 vào số trong ô liền trước để có số trong ô liền sau:

5		15			35			50

thuongmaitruongxua.vn

2. 5 x 10 5 x 2 5 x 4 5 x 6 5 x 8
   5 x 1 5 x 9 5 x 7 5 x 5 5 x 3

3. Gấp số 2 lên 5 lần thì được số nào?

Ta có: 2 x 5 = 10

Gấp mỗi số sau đây lên 5 lần thì được số nào?

3, 5, 6, 10

4. Mỗi bộ quần áo may hết 5m vải. Hỏi 6 bộ quần áo như vậy may hết bao nhiêu mét vải?

5. Mỗi can đựng 4*l* nước mắm. Hỏi 5 can như vậy đựng bao nhiêu lít nước mắm?

PHÉP CHIA CHO 5

1. 4 x 5 = 20
   20 : 5 = 4

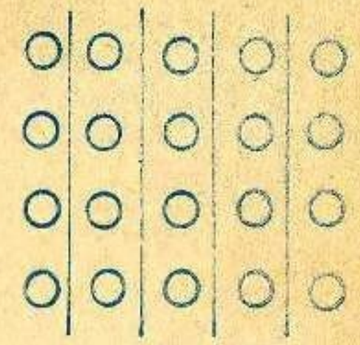

2.

5 : 5 = 1	30 : 5 = 6
10 : 5 = 2	35 : 5 = 7
15 : 5 = 3	40 : 5 = 8
20 : 5 = 4	45 : 5 = 9
25 : 5 = 5	50 : 5 = 10

▲1. 5 : 5 15 : 5 25 : 5 35 : 5 45 : 5
   50 : 5 40 : 5 30 : 5 20 : 5 10 : 5

2. 5 x 6 5 x 7 8 x 5 9 x 5
   30 : 5 35 : 5 40 : 5 45 : 5
   30 : 6 35 : 7 40 : 8 45 : 9

3. Lớp học có 5 tổ, mỗi tổ có 8 bạn. Hỏi lớp học có bao nhiêu bạn ?

4. Có 40 cây rau trồng đều trên 5 luống. Hỏi mỗi luống có mấy cây rau?

5. Có 50kg gạo, đựng trong một số bao, mỗi bao đựng 5kg gạo. Hỏi có tất cả bao nhiêu bao gạo?

LUYỆN TẬP

1.

Thừa số	5	5	7	5	10
Thừa số	8	3	5	9	5
Tích	40				

2.

Số bị chia	40	10	45	20	25
Số chia	5	5	5	5	5
Thương	8				

thuongmaitruongxua.vn

3. Hôm qua số học sinh nghỉ học là 6 bạn. Hôm nay số học sinh nghỉ học giảm đi 3 lần so với hôm qua. Hỏi số học sinh nghỉ học hôm nay là mấy bạn?

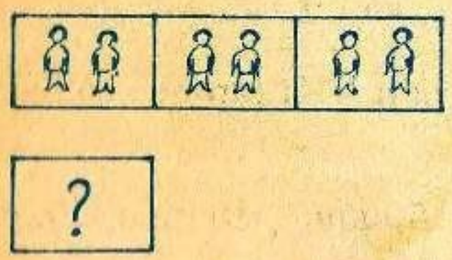

Số học sinh nghỉ học hôm nay là

6 : 3 = 2 (bạn).

Ta nói rằng: *Giảm số 6 đi 3 lần thì được số 2 vì 6 : 3 = 2*

Giải

6 : 3 = 2 (bạn).

Đáp số: 2 bạn.

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 6

1.

6 + 6 + 6 + 6 + 6 = 30

6 x 5 = 30

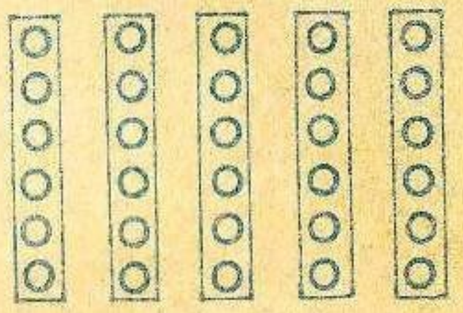

2.

6 x 1 = 6	1 x 6 = 6
6 x 2 = 12	2 x 6 = 12
6 x 3 = 18	3 x 6 = 18
6 x 4 = 24	4 x 6 = 24
6 x 5 = 30	5 x 6 = 30
6 x 6 = 36	6 x 6 = 36
6 x 7 = 42	7 x 6 = 42
6 x 8 = 48	8 x 6 = 48
6 x 9 = 54	9 x 6 = 54
6 x 10 = 60	10 x 6 = 60

▲1. 6 x 1 6 x 3 6 x 5 6 x 7 6 x 9
6 x 10 6 x 8 6 x 6 6 x 4 6 x 2

2. 3 x 6 6 x 6 9 x 6 10 x 6 1 x 6
7 x 6 4 x 6 8 x 6 2 x 6 5 x 6

3. Gấp mỗi số sau: 3, 5, 7, 10 lên 6 lần thì được số nào?

4. Mỗi xe ô tô vận tải có 6 bánh xe. Hỏi 8 ô tô vận tải có bao nhiêu bánh xe?

5. Mỗi hộp bút chì màu có 10 cái. Hỏi 6 hộp bút chì màu có tất cả bao nhiêu bút chì?

PHÉP CHIA CHO 6

1. 4 x 6 = 24
24 : 6 = 4

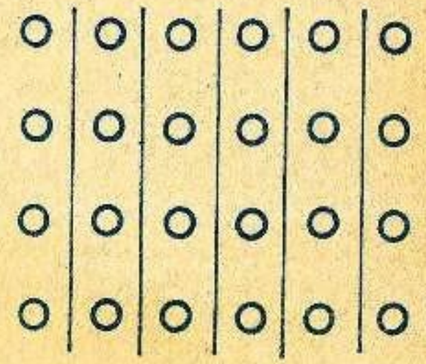

2.

6 : 6 = 1	36 : 6 = 6
12 : 6 = 2	42 : 6 = 7
18 : 6 = 3	48 : 6 = 8
24 : 6 = 4	54 : 6 = 9
30 : 6 = 5	60 : 6 = 10

thuongmaitruongxua.vn

▲ 1. 60 : 6 48 : 6 36 : 6 24 : 6 12 : 6
6 : 6 18 : 6 30 : 6 42 : 6 54 : 6

2. 7 x 6 8 x 6 9 x 6 10 x 6
42 : 6 48 : 6 54 : 6 60 : 6
42 : 7 48 : 8 54 : 9 60 : 10

3. Người ta cưa một khúc gỗ dài 42dm thành 6 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu đêximét?

4. Có 60 bông hoa chia thành bó như nhau, mỗi bó có 6 bông hoa. Hỏi có tất cả bao nhiêu bó hoa?

5. Mỗi số sau giảm đi 6 lần thì được số nào:
12, 18, 30, 48, 60?

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 7

1.
7 + 7 + 7 + 7 + 7 = 35
7 x 5 = 35

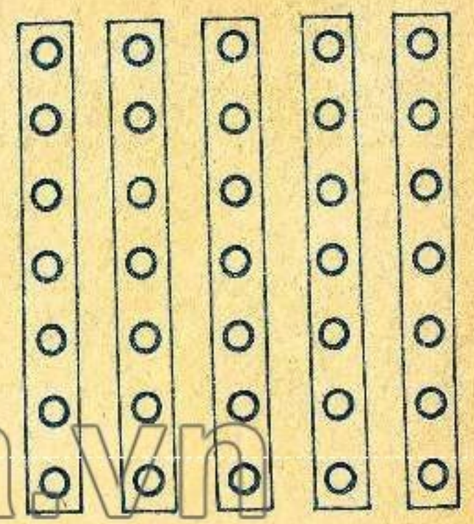

2.

7 x 1 = 7	1 x 7 = 7
7 x 2 = 14	2 x 7 = 14
7 x 3 = 21	3 x 7 = 21
7 x 4 = 28	4 x 7 = 28
7 x 5 = 35	5 x 7 = 35
7 x 6 = 42	6 x 7 = 42
7 x 7 = 49	7 x 7 = 49
7 x 8 = 56	8 x 7 = 56
7 x 9 = 63	9 x 7 = 63
7 x 10 = 70	10 x 7 = 70

▲1. 7 x 10 7 x 8 7 x 6 7 x 4 7 x 2
7 x 1 7 x 3 7 x 5 7 x 7 7 x 9

2. 10 x 7 8 x 7 6 x 7 4 x 7 2 x 7
9 x 7 7 x 7 5 x 7 3 x 7 1 x 7

3. Gấp mỗi số sau: 2, 5, 6, 10 lên 7 lần thì được số nào?

4. Một tuần lễ có 7 ngày. Hỏi 4 tuần lễ có bao nhiêu ngày?

5. Mỗi lớp học có 8 bàn học sinh. Hỏi 7 lớp có bao nhiêu bàn học sinh?

PHÉP CHIA CHO 7

thuongmaitruongxua.vn

1. 4 x 7 = 28
28 : 7 = 4

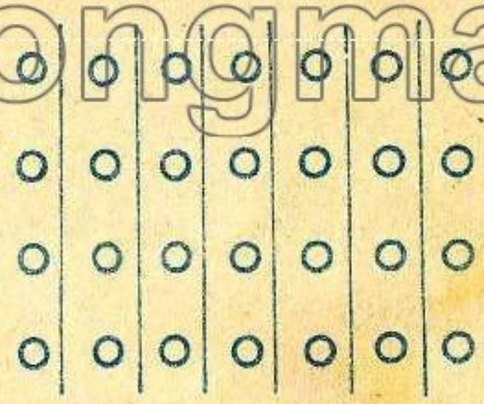

2.

7 : 7 = 1	42 : 7 = 6
14 : 7 = 2	49 : 7 = 7
21 : 7 = 3	56 : 7 = 8
28 : 7 = 4	63 : 7 = 9
35 : 7 = 5	70 : 7 = 10

▲ 1. 70 : 7 56 : 7 42 : 7 28 : 7 14 : 7
7 : 7 21 : 7 35 : 7 49 : 7 63 : 7

2. 7 x 8 7 x 9 7 x 10
56 : 7 63 : 7 70 : 7
56 : 8 63 : 9 70 : 10

3. Có 42 học sinh đi trồng cây, được chia thành 7 nhóm đều nhau. Hỏi mỗi nhóm có bao nhiêu học sinh?

4. Có 56 bông hoa cắm vào lọ mỗi lọ 7 bông. Hỏi có tất cả bao nhiêu lọ?

5. Mỗi số sau đây giảm đi 7 lần thì được số nào?

21, 35, 56, 63, 70?

LUYỆN TẬP

1.

Thừa số	6	7	6	9	7
Thừa số	7	6	9	6	10
Tích					

2.

Số bị chia	42	42	60	14	70
Số chia	6	7	6	7	7
Thương					

3. Mỗi mảnh vải dài 6m. Hỏi 7 mảnh vải như thế dài tất cả bao nhiêu mét?

4. Có 35 *l* dầu đựng đều trong 7 can. Hỏi mỗi can đựng mấy lít dầu?

5. Tuần trước có 6 ngày nắng. Tuần này số ngày nắng giảm đi 3 lần so với tuần trước. Hỏi tuần này có mấy ngày nắng?

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 8

1.

8 + 8 + 8 + 8 + 8 = 40

8 x 5 = 40

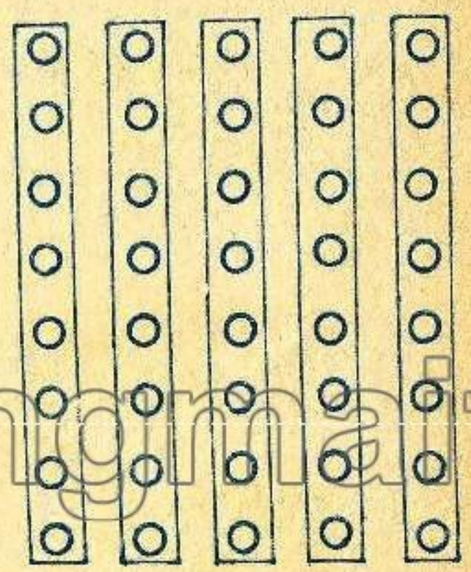

thuongmaitruongxua.vn

2.

8 x 1 = 8	1 x 8 = 8
8 x 2 = 16	2 x 8 = 16
8 x 3 = 24	3 x 8 = 24
8 x 4 = 32	4 x 8 = 32
8 x 5 = 40	5 x 8 = 40
8 x 6 = 48	6 x 8 = 48
8 x 7 = 56	7 x 8 = 56
8 x 8 = 64	8 x 8 = 64
8 x 9 = 72	9 x 8 = 72
8 x 10 = 80	10 x 8 = 80

▲1.

8 x 1	8 x 3	8 x 5	8 x 7	8 x 9
8 x 10	8 x 8	8 x 6	8 x 4	8 x 2

2.

2 x 8	4 x 8	6 x 8	8 x 8	10 x 8
9 x 8	7 x 8	5 x 8	3 x 8	1 x 8

3. Học sinh lớp Năm xếp thành 3 hàng, mỗi hàng có 8 học sinh. Hỏi lớp Năm có bao nhiêu học sinh?

4. Học sinh lớp Năm xếp thành 3 hàng, mỗi hàng có 8 học sinh. Bạn lớp trưởng đứng ngoài hàng. Hỏi lớp Năm có tất cả bao nhiêu học sinh?

Giải: 8 x 3 = 24 (học sinh)

24 + 1 = 25 (học sinh)

Đáp số: 25 học sinh

PHÉP CHIA CHO 8

1.

4 x 8 = 32

32 : 8 = 4

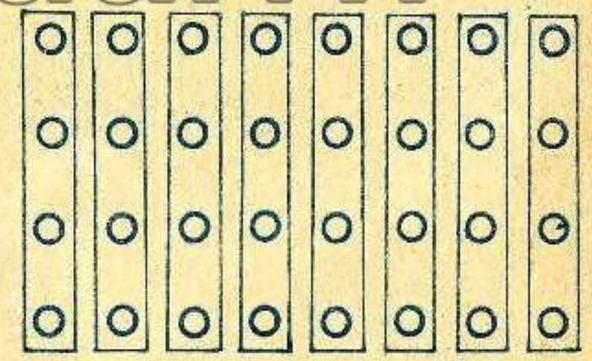

2.

8 : 8 = 1	48 : 8 = 6
16 : 8 = 2	56 : 8 = 7
24 : 8 = 3	64 : 8 = 8
32 : 8 = 4	72 : 8 = 9
40 : 8 = 5	80 : 8 = 10

▲1. 80 : 8 64 : 8 48 : 8 32 : 8 16 : 8
8 : 8 24 : 8 40 : 8 56 : 8 72 : 8

2. 8 x 9 7 x 8 10 x 8
72 : 8 56 : 8 80 : 8
72 : 9 56 : 7 80 : 10

3. Có 72 quyển vở chia đều thành 8 chồng. Hỏi mỗi chồng có mấy quyển vở?

4. Một cuộn dây điện dài 80m cắt thành nhiều đoạn, mỗi đoạn dài 8m. Người ta đã dùng 3 đoạn. Hỏi còn lại mấy đoạn ?

Giải

80 : 8 = 10 (đoạn)

10 — 3 = 7 (đoạn)

Đáp số: 7 đoạn.

thuongmaitruongxua.vn

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 9

1.
9 + 9 + 9 + 9 + 9 = 45
9 x 5 = 45

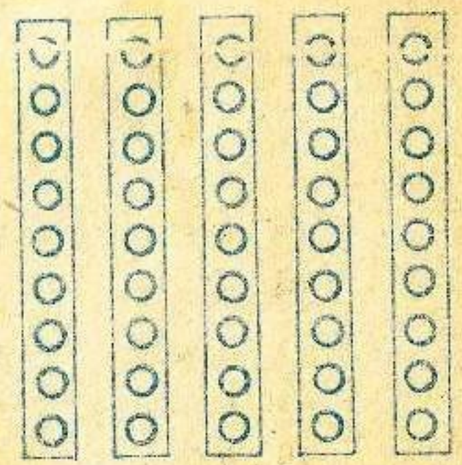

2.

9 x 1 = 9	1 x 9 = 9
9 x 2 = 18	2 x 9 = 18
9 x 3 = 27	3 x 9 = 27
9 x 4 = 36	4 x 9 = 36
9 x 5 = 45	5 x 9 = 45
9 x 6 = 54	6 x 9 = 54
9 x 7 = 63	7 x 9 = 63
9 x 8 = 72	8 x 9 = 72
9 x 9 = 81	9 x 9 = 81
9 x 10 = 90	10 x 9 = 90

▲1. 9 x 10 9 x 8 9 x 6 9 x 4 9 x 2
9 x 1 9 x 3 9 x 5 9 x 7 9 x 9

2. Mỗi tổ học sinh có 9 người. Hỏi 5 tổ học sinh có tất cả bao nhiêu người?

3. Mỗi thùng đựng 8 lít nước mắm. Hỏi 9 thùng có tất cả bao nhiêu lít nước mắm?

4. Mỗi hộp bút có 9 bút đỏ, và số bút đen nhiều gấp 2 lần số bút đỏ. Hỏi trong hộp có tất cả bao nhiêu bút?

PHÉP CHIA CHO 9

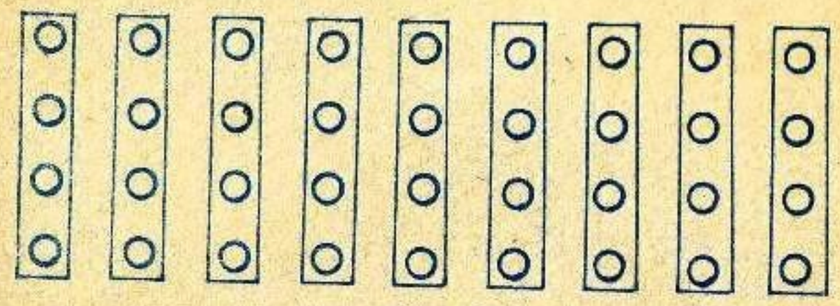

4 x 9 = 36
36 : 9 = 4

2.

9 : 9 = 1	54 : 9 = 6
18 : 9 = 2	63 : 9 = 7
27 : 9 = 3	72 : 9 = 8
36 : 9 = 4	81 : 9 = 9
45 : 9 = 5	90 : 9 = 10

▲ 1.

9 : 9	27 : 9	45 : 9	63 : 9	81 : 9
90 : 9	72 : 9	54 : 9	36 : 9	18 : 9

2.

9 x 10	9 x 8	9 x 7
90 : 9	72 : 9	63 : 9
90 : 10	72 : 8	63 : 7

3. Có 45 bông hoa cắm đều vào 9 lọ hoa. Hỏi mỗi lọ có mấy bông hoa?

4. Lớp học có 36 học sinh chia đều thành các tổ đi trồng cây, mỗi tổ có 9 học sinh. Có 1 tổ đã đi làm. Hỏi lớp học còn lại mấy tổ chưa đi làm?

LUYỆN TẬP

1.

9 x 5	8 x 6	8 x 7	9 x 10
5 x 9	9 x 6	9 x 7	8 x 10

2.

72 : 8	80 : 8	64 : 8	40 : 8	54 : 9
72 : 9	90 : 9	63 : 9	45 : 9	56 : 8

3. Có 4 tổ học sinh thu nhặt giấy vụn, được đều như nhau. Cả 4 tổ thu nhặt được 36 kg giấy vụn. Hỏi mỗi tổ thu nhặt được bao nhiêu kilôgam giấy vụn?

4. Lớp học đã có 13kg giấy vụn. Ba tổ của lớp tiếp tục thu nhặt giấy, mỗi tổ thu thêm được 9kg giấy vụn. Hỏi lớp có tất cả bao nhiêu kilôgam giấy vụn?

5. Một tấm vải dài 45m được chia đều thành các mảnh, mỗi mảnh dài 9m. Người ta đã dùng hết 2 mảnh, hỏi còn lại mấy mảnh?

PHÉP NHÂN CÓ THỪA SỐ 10

1.

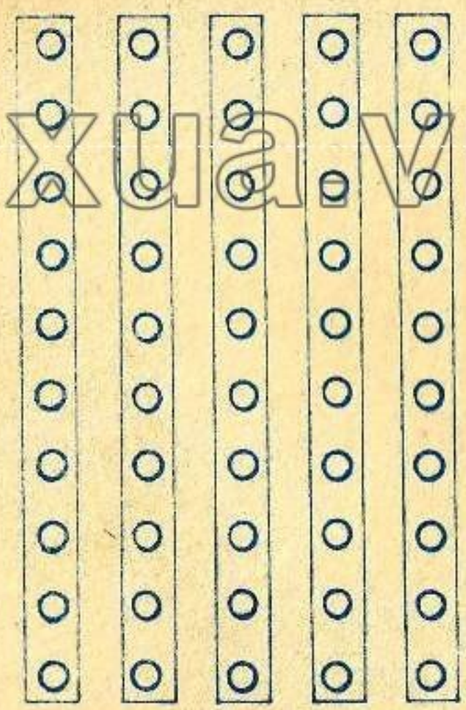

10 + 10 + 10 + 10 +10 = 50

10 x 5 = 50

thuongmaitruongxua.vn

2.

10 x 1 = 10	1 x 10 = 10
10 x 2 = 20	2 x 10 = 20
10 x 3 = 30	3 x 10 = 30
10 x 4 = 40	4 x 10 = 40
10 x 5 = 50	5 x 10 = 50
10 x 6 = 60	6 x 10 = 60
10 x 7 = 70	7 x 10 = 70
10 x 8 = 80	8 x 10 = 80
10 x 9 = 90	9 x 10 = 90
10 x 10 =100	10 x 10 = 100

▲ 1.

10 x 1	10 x 3	10 x 5	10 x 7	10 x 9
10 x 10	10 x 8	10 x 6	10 x 4	10 x 2

2.

2 x 10	4 x 10	6 x 10	8 x 10	10 x 10
9 x 10	7 x 10	5 x 10	3 x 10	1 x 10

3. Mỗi bó hoa có 6 bông hoa. Hỏi 10 bó hoa như thế có tất cả bao nhiêu bông hoa?

4. Trong cửa hàng có 1 bao đựng 30kg gạo và 7 bao nhỏ, mỗi bao đựng 10kg gạo. Hỏi có tất cả bao nhiêu kilôgam gạo?

PHÉP CHIA CHO 10

1.

4 x 10 = 40

40 : 10 = 4

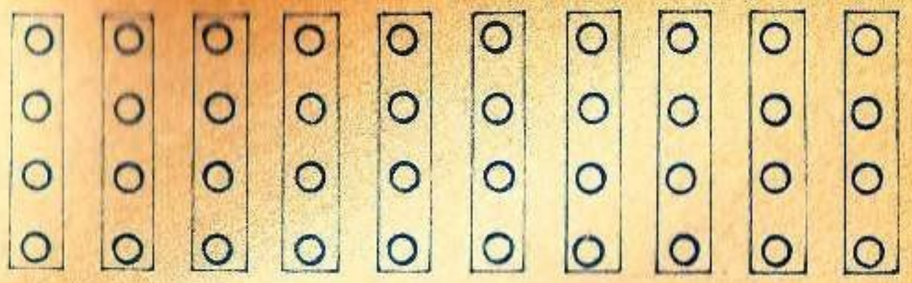

2.

10 : 10 = 1	60 : 10 = 6
20 : 10 = 2	70 : 10 = 7
30 : 10 = 3	80 : 10 = 8
40 : 10 = 4	90 : 10 = 9
50 : 10 = 5	100 : 10 = 10

▲ 1.

100 : 10	20 : 10	80 : 10	40 : 10	60 : 10
10 : 10	90 : 10	30 : 10	70 : 10	50 : 10

2.

10 x 9	8 x 10	6 x 10
90 : 10	80 : 10	60 : 10
90 : 9	80 : 8	60 : 6

3. Có 100 que tính bó thành 10 bó đều nhau. Hỏi mỗi bó có bao nhiêu que tính?

4. Có 40 lít dầu đựng trong một số can, mỗi can đựng 10 lít dầu. Hỏi có tất cả bao nhiêu can đựng dầu?

5. Có 80 bánh xà phòng đựng đều trong các hộp, mỗi hộp đựng 10 bánh. Đã bán hết 5 hộp. Hỏi còn lại mấy hộp?

thuongmaitruongxua.vn

ÔN TẬP

1. $\begin{array}{r}15\\+62\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}38\\+20\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}19\\+56\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}87\\-15\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}58\\-38\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}75\\-19\\\hline\end{array}$

2. 6 x 5 7 x 8 9 x 4 10 x 9 5 x 8
   5 x 6 8 x 7 4 x 9 9 x 10 8 x 5

3. 20 : 5 36 : 6 49 : 7 64 : 8 90 : 9
   100 : 10 20 : 10 27 : 9 72 : 8 56 : 7

4. Bao thứ nhất đựng 10 kg gạo. Bao thứ hai đựng 10kg gạo. Bao thứ ba đựng 8kg gạo. Hỏi cả ba bao đựng bao nhiêu kilôgam gạo?

5. Có 20 cái bánh chia đều cho 10 trẻ em. Hỏi mỗi em được mấy cái bánh?

6. Trong thư viện của nhà trường còn 20 quyển sách. Nhà trường mua thêm cho thư viện 8 bó sách, mỗi bó có 10 quyển. Hỏi thư viện có tất cả bao nhiêu quyển sách?

ÔN TẬP

1. $\begin{array}{r}34\\+51\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}26\\+43\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}45\\+38\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}94\\-63\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}47\\-15\\\hline\end{array}$ $\begin{array}{r}64\\-37\\\hline\end{array}$

2. 5 x 7 8 x 9 10 x 6 7 x 8 5 x 10
   7 x 5 9 x 8 6 x 10 8 x 7 10 x 5

3. 40 : 5 48 : 8 63 : 9 80 : 10 30 : 5
   40 : 8 48 : 6 63 : 7 80 : 8 30 : 6

4. Mỗi can đựng 5*l* nước mắm. Hỏi 6 can đựng tất cả bao nhiêu lít nước mắm?

5. Có tất cả 30*l* nước mắm đựng vào các can, mỗi can đựng 5*l*. Hỏi có tất cả mấy can nước mắm?

6. Cửa hàng có 100 gói bột ngọt đựng vào các hộp, mỗi hộp có 10 gói. Đã bán hết 8 hộp. Hỏi còn lại mấy hộp?

7. *Bảng nhân chia:*

Mũi tên 2

×	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
6	6	12	18	24	30	36	42	48	54	60
7	7	14	21	28	35	42	49	56	63	70
8	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80
9	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90
10	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100

Mũi tên 1

Mũi tên 3

Mũi tên 4

thuongmaitruongxua.vn

* *Nhân:* 5 x 7 = ?

Mũi tên 1 (đi từ dòng 5) và mũi tên 2 (đi từ cột 7) gặp nhau ở ô 35.

Vậy 5 x 7 = 35.

* *Chia:* 72 : 8 = ?

Mũi tên 3 (đi từ dòng 8) gặp ô 72. Mũi tên 4 (đi từ ô 72) gặp cột 9.

Vậy 72 : 8 = 9.

nuongmaitruongxua.v

MỤC LỤC

	Trang
CÁC SỐ ĐẾN 100. PHÉP CỘNG, TRỪ	3
Chục. Trăm	3
CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100	4
Bài toán về: So sánh hơn; kém bao nhiêu đơn vị	11
TỔNG. SỐ HẠNG. TÌM SỐ HẠNG CHƯA BIẾT	19
HIỆU. SỐ BỊ TRỪ. SỐ TRỪ	22
Tìm số bị trừ chưa biết	22
Tìm số trừ chưa biết	24
TOÁN HỢP CÓ HAI PHÉP TÍNH CỘNG TRỪ	25
Bài toán giải bằng hai phép tính	25
Bài toán giải bằng hai phép tính (tiếp theo)	27
Bài toán giải bằng hai phép tính (tiếp theo)	30
HÌNH CHỮ NHẬT. HÌNH TỨ GIÁC	35
KILÔGAM	37
LÍT	38
MÉT	39
KHÁI NIỆM VỀ PHÉP NHÂN	41
KHÁI NIỆM VỀ PHÉP CHIA	43

thuongmaitruongxua.vn

SÁCH ĐƯỢC IN VỚI SỰ TÀI TRỢ
CỦA QŨY NHI ĐỒNG LIÊN HỢP QUỐC

huongmaitruongxua.vn

TOÁN 2
SÁCH CẤP I PHỔ CẬP

In 15.000 bản,
khổ 14,5 x 20,5 cm
tại **Nhà máy in Báo QĐND2**
TP. Hồ Chí Minh
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 12 năm 1990.

Giá : 700đ00